

宏國德霖科技大學外國學生(含國際學生產學合作專班學生)須知
Trường Đại học Kỹ thuật Hồng Quốc Đức Lâm
Những điều cần biết của học sinh Quốc Tế (bao gồm lớp chuyên ban vừa học vừa làm)

項次 STT	項目 Hạng mục	說明 Nội dung
1	<input type="checkbox"/> 學生應繳費用 Các khoản phí phải nộp	<p>1. 學雜費應於每學期初註冊時繳交，商業類別學系（企業管理系、應用英語系、休閒事業管理系、餐旅管理系、餐飲廚藝系、會展活動管理系、園藝系）每學期新臺幣47,325元；工程類別學系（機械工程系、土木工程系、資訊工程系、電腦與通訊工程系、室內設計系、創意產品設計系）每學期新臺幣54,290元。如未來學雜費調整，依本校規定辦理。</p> <p>Tiền học phí mỗi học kỳ của những khoa ngành về thương nghiệp (khoa quản trị kinh doanh, khoa ứng dụng tiếng anh, khoa quản trị kinh doanh giải trí, khoa quản lí nhà hàng khách sạn, khoa quản lí nghệ thuật ẩm thực nhà hàng khách sạn, khoa quản lí sự kiện triển lãm, khoa nghệ thuật trồng trọt) là 47,325 NTD; của những khoa ngành về công trình (khoa cơ khí điện tử, khoa xây dựng công trình, khoa kĩ thuật thông tin, khoa công nghệ thông tin, khoa thiết kế nội thất, khoa thiết kế sản phẩm sáng tạo) là 54,290 NTD phải nộp lúc đăng ký nhập học. Nếu trong tương lai có điều chỉnh mức phí sẽ căn cứ theo qui định của trường để thu phí.</p> <p>2. 住宿費：每學期新臺幣13,000元。新生入住需額外繳交新臺幣650元保證金。寒暑假住宿費為一天100元。 Phí ký túc xá: 13,000NTD / học kỳ, học sinh phải đóng trước tiền cọc 650NTD. Phí ký túc xá nghỉ hè và nghỉ đông: 100 NTD/ ngày.</p> <p>3. 其他: 新生健康檢查約800元 / 次(實際費用視當年度招標廠商而定)、平安保險540元/學期、新生醫療保險約3,000元 / 6個月、居留證 1,000元 / 年、全民健康保險 4,956元 / 6個月 (於台灣居住滿6個月後須參加)、工作許可證 100元 / 1次 (1次最多核發6個月)。 Phí khác: Phí kiểm tra sức khỏe dành cho học sinh mới khoảng 800 NTD/ lần (mức phí có thể thay đổi theo quy định của trung tâm y tế nhà trường hợp tác), bảo hiểm bình an 490 NTD / học kì, bảo hiểm y tế cho học sinh mới khoảng 3,000 NTD/ 6 tháng, thẻ cư trú 1,000 NTD/ năm, bảo hiểm sức khỏe toàn dân 4,494 NTD/ 6 tháng (theo qui định cư trú tại Đài Loan đủ 6 tháng bắt buộc phải tham gia bảo hiểm này), thẻ đi làm 100 NTD/ lần (1 lần xin nhiều nhất chỉ được cấp 6 tháng).</p>
2	<input type="checkbox"/> 校內獎助學金 Học bổng của trường	<p>1. 名稱：減免僑生新生、港澳生新生及新南向國家之外國學生新生學雜費及校內住宿費實施辦法 Tên học bổng: Quy chế học bổng dành cho kiều sinh, học sinh Hồng Kông và Ma Cau, học sinh nước ngoài và học sinh lớp chuyên ban Quốc Tế vừa học vừa làm.</p> <p>2. 內容：第一學期提供學雜費及校內住宿費（含寒假）之全額減免。第二學期提供學雜費及校內住宿費（含暑假）之半額減免。 Nội dung: Năm 1 học kỳ 1 học phí và tiền ký túc xá (đến hết ngày nghỉ đông) được miễn hoàn toàn. Năm 1 học kỳ 2 học phí và tiền ký túc xá (đến hết ngày nghỉ hè) được giảm phân nửa.</p> <p>3. 領取條件：具新南向國籍外國學生 Điều kiện nhận học bổng: Quốc tịch học sinh cần phải nằm trong chính sách Tân Hướng Nam.</p> <p>4. 獎助學金詳情請洽本校國際與對外交流中心。 Mọi thắc mắc vui lòng liên hệ Trung tâm Quốc tế và Đối Ngoại Giao Lưu.</p>
3	<input type="checkbox"/> 休退學相關規定 Qui định liên quan về việc tạm dừng học và buộc thôi học	<p>1. 休退學事宜依本校學則及學生獎懲辦法規定辦理。 Căn cứ vào “Quy Định Khen Thưởng Kỷ Luật Học Sinh” của nhà trường giải quyết các vấn đề tạm dừng học và buộc thôi học của học sinh 依據本校學生獎懲辦法第十條，學生有下列情形之一者，應予退學之處分： Căn cứ theo điều 10 trong “Quy Định Khen Thưởng Kỷ Luật Học Sinh”，nếu học sinh có những hành vi dưới đây sẽ bị kỷ luật ở mức buộc thôi học:</p> <p>一、援引外力脅迫、恐嚇或毆打教職員工生。 a) Lôi kéo thế lực bên ngoài để ép buộc, đe dọa hoặc đánh đập giảng viên và nhân viên.</p> <p>二、勒索、脅迫或恐嚇教職員工生，造成生命財產安全堪慮者。 b) Tống tiền, ép buộc hoặc đe dọa các giảng viên và nhân viên, dẫn đến sự an toàn của tính mạng và tài sản.</p> <p>三、非法滋事，聚眾鬥毆，情節嚴重者。 c) Việc làm bất hợp pháp, tụ tập đánh nhau ở mức độ nghiêm trọng.</p> <p>四、參加非法組織，經勸誡仍不脫離者。 d) Tham gia vào các tổ chức bất hợp pháp, sau khi được khuyên bảo vẫn không thay đổi..</p> <p>五、定期察看期間（自受定期察看處分之時日起）再受記過處分或操行成績不及格者。 e) Sau khi bị theo dõi định kỳ, (kể từ ngày bắt đầu bị kiểm soát), lại tiếp tục bị kỉ luật trừ điểm hoặc điểm hạnh kiểm ưới trung bình.</p> <p>六、在學期間，功過相抵後，滿三大過者。 f) Trong thời gian học tập, sau khi cộng trừ thưởng phạt bị ghi nhận quá ba lỗi lớn.</p> <p>七、販賣違禁藥物者。 g) Buôn bán thuốc/chất cấm bất hợp pháp.</p> <p>八、因犯刑案被判有期徒刑確定且未受緩刑之宣告者。 h) Bị kết án tù có thời hạn của một vụ án hình sự.</p> <p>九、以行為粗暴，欺凌羞辱他人致身心受創或有安全顧慮者。 i) Có hành động thô lỗ, bắt nạt và làm nhục người khác phải chịu tổn thương về thể xác và tinh thần hoặc có những lo ngại về an toàn.</p> <p>十、有性侵害之行為，情節嚴重者。 j) Có hành vi xâm phạm tình dục (sự việc ở mức độ nghiêm trọng).</p> <p>十一、凡合於學則規定之應令退學者。 k) Không tuân thủ các quy tắc của trường bắt buộc phải thôi học.</p> <p>如擬自行辦理休退學，請先洽本校國際與對外交流中心諮詢相關程序。 Nếu học sinh tự ý thôi học, xin vui lòng liên hệ Trung tâm Quốc tế và Đối Ngoại Giao Lưu để giải đáp mọi thắc mắc.</p> <p>2. 外國學生休學或退學，學校應即通報外交部領事事務局及學校所在地之內政部移民署服務站，移民署將註銷外僑居留證，學生應於10日內出境。(外國學生來臺就學辦法第24條、入出國及移民法第31條及36條規定) Khi học sinh tạm dừng học và bị buộc thôi học, nhà trường có trách nhiệm thông báo cho Bộ Ngoại Giao và Cục Di Dân, Cục</p>

		<p>Di Dân sẽ xóa bỏ hiệu lực thẻ cư trú của học sinh, học sinh trong vòng 10 ngày phải xuất cảnh khỏi Đài Loan. (Căn cứ theo điều 24 Quy chế quản lý học sinh nước ngoài học tập tại Đài Loan, điều 31 và điều 36 Luật di dân và xuất nhập cảnh).</p> <p>3. 外國學生依規定申請來臺就學，以一次為限。於完成申請就學學校學程後，除申請碩士班以上學程，得逕依各校規定辦理外，如繼續在臺就學者，其入學方式應與我國內一般學生相同。(外國學生來臺就學辦法第4條規定)</p> <p>Học sinh nước ngoài xin học đại học tại Đài Loan chỉ được phép một lần. Sau khi hoàn thành chương trình học đại học, học sinh có thể xin học từ thạc sĩ trở lên và sẽ căn cứ vào qui định của mỗi trường để giải quyết. Nếu học sinh muốn tiếp tục xin học đại học thì hình thức xin nhập học cần phải tương đồng như học sinh Đài Loan.(Căn cứ theo điều 4 Quy chế quản lý sinh viên nước ngoài học tập tại Đài Loan).</p>
4	<input type="checkbox"/> 意見反映管道 Ý kiến phản hồi	<p>1. 校內管道：國際事務處 - 國際與對外交流中心 Tel: 0222733567 #836、#833 電子信箱: julieha1901@mail.hdut.edu.tw buihikimlien@mail.hdut.edu.tw Trong trường: Văn phòng Quốc tế - Trung tâm Quốc tế và Đối Ngoại Giao Lưu. Số điện thoại: 0222733567#836 #833 Hộp thư điện tử: julieha1901@mail.hdut.edu.tw buihikimlien@mail.hdut.edu.tw</p> <p>2. 校外管道 (1) 境外學生諮詢平臺: www.nisa.moe.gov.tw (2) 專線電話 0800-789-007 (中、英、印尼及越南語) Ngoài trường (1) Trang thông tin tư vấn dành cho học sinh Quốc Tế: www.nisa.moe.gov.tw (2) Hotline 0800-789-007 (có tiếng trung, tiếng anh, tiếng Indonesia và tiếng việt).</p>
5	<input type="checkbox"/> 打工重要規定 Quy định quan trọng về việc đi làm thêm	<p>1. 外國學生打工應申請工作許可證，工作時間除寒暑假外，每星期最長為20小時。(就業服務法第43條及第50條) Học sinh Quốc Tế phải xin được thẻ đi làm mới được phép đi làm thêm, ngoại trừ thời gian nghỉ hè và nghỉ đông, học sinh Quốc Tế đi làm thêm mỗi tuần không được vượt quá 20 giờ (căn cứ theo điều 43 và điều 50 luật việc làm)</p> <p>2. 未經許可在臺工作，應處新臺幣3萬元以上15萬元以下罰鍰，並即令其出國，不得再於我國境內工作；屆期不出國者，入出國管理機關得強制出國，於未出國前，入出國管理機關得收容之。(就業服務法第68條第1項、第3項及第4項規定) Trường hợp đi làm khi chưa được cấp phép sẽ bị phạt 30,000 – 150,000 NTD, không được phép tiếp tục làm việc tại Đài Loan và bị trục xuất cảnh ngay lập tức, nếu người vi phạm không xuất cảnh, cơ quan quản lý xuất nhập cảnh có quyền cưỡng chế xuất cảnh, trong khoảng thời gian làm thủ tục chờ xuất cảnh, người vi phạm sẽ bị cơ quan quản lý xuất nhập cảnh tạm giam giữ. (căn cứ theo điều 68 khoản 1, khoản 3 và khoản 4 luật việc làm)</p> <p>3. 如涉在臺非法工作，依本校學生獎懲辦法規定及政府法令，予以處分。 Ngoài ra nếu học sinh đi làm bất hợp pháp tại Đài Loan, sẽ căn cứ vào “Quy Định Khen Thưởng Kỷ Luật Học Sinh” của trường và Pháp Luật Chính Phủ xét mức vi phạm nặng nhẹ để xử phạt.</p>
6	<input type="checkbox"/> 其他 Khác	<p>1. 本校並無與當地機構合作代辦入境手續，亦無要求學生繳交任何費用給當地機構。學生若自行請當地機構申辦入境手續，則需保證所繳代辦費用未超過 USD 1,800。代辦項目含單趟來台機票及留學簽證代辦費用、留學簽證費、畢業證書以及成績單翻譯跟公證費用、體檢費。我很清楚面試時前述代辦收費說明，若有面試不實欺騙師長行為，得到錄取資格，入台就讀後才告知費用超收，將依本校相關規定予以懲處。 Nhà trường không hợp tác với các cơ quan tư vấn giáo dục nước sở tại về việc xử lý thủ tục nhập cảnh, cũng không yêu cầu học sinh phải trả bất kì khoản phí nào cho cơ quan tư vấn giáo dục nước sở tại. Nếu học sinh thông qua cơ quan tư vấn giáo dục để làm thủ tục nhập học thì khoản phí không được vượt quá 1,800 USD. Khoản phí trên đã bao gồm các hạng mục như vé máy bay 1 chiều, VISA, công chứng, dịch thuật, khám sức khỏe. Tôi hiểu rõ những quy định thu phí của các cơ quan tư vấn giáo dục nước sở tại, nếu tôi không trung thực trong việc khai báo các khoản phí làm thủ tục với nhà trường trong lúc phỏng vấn và sau khi nhập học mới khiếu nại về vấn đề thu phí thì nhà trường sẽ căn cứ vào “Quy Định Khen Thưởng Kỷ Luật Học Sinh” của trường xét mức vi phạm nặng nhẹ để xử phạt.</p> <p>2. 大學部修業年限為4年(修習8個學期)，畢業須修習128個學分，依規定完成學業，可獲台灣大學學士學位證書，若未在修業年限(最多可延畢兩年)內完成者，以退學處理。 Thời gian đào tạo hệ đại học là 4 năm (8 học kỳ), lúc tốt nghiệp phải hoàn thành 128 tín chỉ, hoàn thành chương trình học theo quy định sẽ nhận được bằng tốt nghiệp đại học của Đài Loan; nếu trong thời gian quy định (có thể gia hạn thêm 2 năm) chưa hoàn thành chương trình học sẽ bị đuổi học.</p> <p>3. 學生成績分學業、操行兩種，以一百分為滿分、六十分為及格，成績不及格或不通過之科目，不給予學分。 Thành tích học sinh được chia 2 phần gồm điểm thành tích và hạnh kiểm, cao nhất 100 điểm, điểm trên trung bình 60 điểm, nếu điểm thành tích dưới trung bình thì sẽ không được cấp tín chỉ của môn đó.</p>

本人已閱讀、瞭解並且同意以上規定，嗣後如經發現有不實情事，本人願負一切法律責任。

Tôi cam kết đã đọc kỹ hiểu rõ và đồng ý với những điều trên, nếu về sau phát hiện khai báo trên không đúng sự thật, tôi sẵn sàng chịu mọi trách nhiệm pháp luật.

學生電話號碼

Số điện thoại học sinh _____

申請科系

Khoa xin học _____

學生簽名

Học sinh ký tên _____

日期

Ngày/tháng/năm _____

本須知一式兩份，由學校、學生分別留存。

Bản quy định này được lập thành 2 bản, sinh viên và nhà trường mỗi bên giữ 1 bản.